

Mức độ hài lòng về đời sống gia đình theo đánh giá của người dân

Phạm Quốc Nhật*

Tóm tắt: Dựa trên kết quả nghiên cứu “Xây dựng tiêu chí đánh giá gia đình hạnh phúc” thực hiện tại tỉnh Nam Định và thành phố Hải Phòng năm 2018, bài viết đánh giá về hạnh phúc gia đình thông qua phân tích sự hài lòng của đại diện hộ gia đình về đời sống gia đình của họ. Kết quả nghiên cứu cho thấy, điểm số hài lòng về cuộc sống gia đình ở mức khá cao, đặc biệt là sự hài lòng về điều kiện vật chất và các mối quan hệ trong gia đình hiện nay. Mức độ hài lòng về sức khỏe của bản thân và gia đình tuy đạt điểm khá nhưng có lẽ là điều khiến các gia đình quan tâm nhất hiện nay.

Từ khóa: Đời sống gia đình; Gia đình hạnh phúc; Nền nếp gia phong; Sức khỏe gia đình.

Ngày nhận bài: 5/11/2019; ngày chỉnh sửa: 22/11/2019; ngày duyệt đăng: 2/12/2019.

1. Đặt vấn đề

Hài lòng về đời sống gia đình là yếu tố quan trọng đảm bảo sự bền vững và hạnh phúc của hôn nhân. Không hài lòng về đời sống gia đình có thể dẫn đến mâu thuẫn, bạo lực gia đình, thậm chí dẫn đến tan vỡ gia đình. Tổng kết 10 năm triển khai thi hành Luật Phòng, chống bạo lực gia đình cho thấy, từ 01 tháng 8 năm 2008 đến 30 tháng 7 năm 2018, Tòa án nhân dân đã thụ lý theo thủ tục sơ thẩm 1.422.067 vụ án ly hôn, số vụ án đã xử cho ly hôn 1.384.660 vụ. Trong số những vụ án hôn nhân do Tòa án nhân dân xử cho ly hôn, có 1.060.767 vụ ly hôn do bạo lực gia đình (chiếm 76,6% số vụ ly hôn)

* ThS., Vụ Gia đình, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

(Bộ Văn hóa-Thể thao và Du lịch, 2018). Để xây dựng gia đình hạnh phúc thì trước hết mỗi thành viên gia đình cần đảm bảo có được hạnh phúc trong đời sống gia đình. Thông qua cách tiếp cận “hạnh phúc là mức độ hài lòng của một người về cuộc sống của mình xét trên tổng thể” (Lê Ngọc Văn, 2019), tác giả đánh giá hạnh phúc gia đình thông qua sự hài lòng về 3 nhóm vấn đề chính là: 1) mức độ hài lòng về đời sống vật chất của gia đình; 2) mức độ hài lòng về mối quan hệ gia đình và 3) mức độ hài lòng về sức khỏe của các thành viên trong gia đình.

Bài viết nhận định về mức độ hài lòng của người dân về đời sống gia đình dựa trên kết quả khảo sát 200 đại diện hộ gia đình tại Nam Định và Hải Phòng năm 2018 thuộc đề tài nghiên cứu về tiêu chí xây dựng gia đình hạnh phúc do Vụ Gia đình, Bộ Văn Hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện. Các chiều cạnh của mức độ hài lòng về đời sống gia đình được đo lường qua các câu hỏi cụ thể với thang đo đánh giá mức độ hài lòng được tính điểm từ 0 đến 10 theo hướng từ rất không hài lòng đến rất hài lòng.

2. Những phát hiện chính

2.1. Mức độ hài lòng về đời sống vật chất của gia đình

Đời sống vật chất của gia đình thường được xác định bao gồm ăn, mặc, ở, đi lại, tiện nghi sinh hoạt và tài sản tích lũy của các gia đình. Gia đình với tư cách là đơn vị cơ bản của xã hội vì thế có mối quan hệ qua lại giữa kinh tế gia đình và kinh tế đất nước. Kinh tế đất nước phát triển sẽ thúc đẩy kinh tế gia đình phát triển và ngược lại. Đánh giá về tình hình kinh tế - xã hội Việt Nam từ năm 2001 đến nay cho thấy, thu nhập bình quân đầu người không ngừng tăng - năm sau cao hơn năm trước. Theo đó, nếu như năm 2002 thu nhập bình quân đầu người của Việt Nam chỉ là 356.100 đồng/tháng (Tổng cục thống kê, 2011), đến hết năm 2018, thu nhập bình quân đầu người của nước ta ước đạt 3.760.000 đồng/tháng (Tổng cục thống kê, 2018). Như vậy, từ năm 2002 đến năm 2018, thu nhập bình quân đầu người của Việt Nam đã tăng 10,56 lần. Thu nhập bình quân đầu người tăng kéo theo chi tiêu bình quân cũng tăng. Năm 2002, chi tiêu bình quân đầu người của Việt Nam là 293.700 đồng/tháng thì đến năm 2010 đã tăng lên 1.210.700 đồng/tháng (Tổng cục thống kê, 2011). Thực tế cho thấy trong hoàn cảnh thiếu thốn về vật chất, các gia đình chỉ ước mong được “ăn no, mặc ấm” nhưng khi đời sống kinh tế gia đình khá hơn, người ta lại mong muốn “có của ăn, của để” (Trần Thị Hồng, 2018). Trong bài viết này, mức độ hài lòng về đời sống vật chất của gia đình sẽ được xem xét trên các chiều cạnh: mức độ hài lòng về chất lượng bữa ăn gia đình, về điều kiện ăn mặc của thành viên gia đình, về nhà ở và mức độ hài lòng về công việc hiện tại và mức thu nhập của các thành viên gia đình.

Kết quả phân tích số liệu cho thấy, có 81% đại diện hộ gia đình hài lòng (thang điểm từ 6 trở lên) về chất lượng bữa ăn gia đình, trong đó, có 45%

người trả lời cho biết họ rất hài lòng (thang điểm từ 8 trở lên) với chất lượng bữa ăn hiện tại của gia đình. Chỉ có 2,5% người trả lời cho biết, họ chưa thực sự hài lòng với chất lượng bữa ăn hiện tại của gia đình. Đánh giá theo thang điểm 10, kết quả phân tích số liệu cho thấy, điểm số trung bình đánh giá mức độ hài lòng về chất lượng bữa ăn là 8,13 điểm. Những người sống ở nông thôn có điểm trung bình về mức độ hài lòng chất lượng bữa ăn thấp hơn ở đô thị (7,99 điểm so với 8,27 điểm). Xét theo yếu tố mức sống hộ gia đình cho thấy, điểm số hài lòng về chất lượng bữa ăn gia đình tỷ lệ thuận với mức sống gia đình. Điểm số tương ứng với các nhóm có mức sống khá giả, trung bình và dưới trung bình là 8,7 so với 8,0 và 7,1.

Bên cạnh hài lòng về chất lượng bữa ăn của gia đình, đại diện gia đình cũng đánh giá tích cực về điều kiện mặc của các thành viên. Kết quả phân tích số liệu cho thấy, có 84% người trả lời hài lòng và rất hài lòng về điều kiện mặc của các thành viên. Điều kiện kinh tế của gia đình làm thay đổi điều kiện mặc của các thành viên.

Trước đây chỉ có cái ăn, cái mặc là tốt lắm rồi, nhưng ngày nay phải là ăn ngon, mặc đẹp. Giới trẻ không chỉ mặc đẹp mà còn phải mặc theo mốt. Nhiều khi những bộ quần áo còn rất mới, rất đẹp nhưng chúng đã không mặc vì cho rằng không còn mốt nữa (PVS, nam trung niên, quận Lê Chân, Hải Phòng).

Mặc cũng không còn ai mặc quần áo vá nữa, bây giờ mặc đồng phục, xã hội tiến lên nên ăn cũng ngon hơn, mặc cũng đẹp hơn (TLN người cao tuổi, TP. Nam Định, tỉnh Nam Định).

Bên cạnh, yếu tố ăn mặc, chỗ ở cũng là những chỉ báo quan trọng để đánh giá về sự hài lòng của cá nhân về đời sống gia đình. Từ xa xưa, ông cha ta đã cho rằng “an cư, lạc nghiệp” để ngụ ý, con người ta trước hết phải có chỗ ở sau đó mới có thể yên tâm làm việc/vui thú với công việc. Đến nay, quan điểm đó vẫn giữ nguyên giá trị.

Có nhà ở là điều kiện đầu tiên để xây dựng gia đình hạnh phúc vì có an cư mới lạc nghiệp. Ngôi nhà hiện tại thuộc sở hữu của vợ chồng tôi. Tôi thấy thỏa mái vì cả hai vợ chồng được thiết kế theo ý muốn của mình (PVS, nữ giáo viên, Hải Hậu, Nam Định).

Nhà riêng là yếu tố giúp độc lập, tự do, an cư lập nghiệp. Cả hai vợ chồng tôi mua ngôi nhà này năm 2010. Chúng tôi cảm thấy thỏa mái khi sống trong ngôi nhà của mình và môi trường ở đây cũng rất trong lành (PVS, NCT TP Nam Định).

Nơi cư trú là một trong những điều góp nên hạnh phúc gia đình. Nơi gia đình cư trú có môi trường tốt, dân cư văn hóa, sống tình cảm, an ninh tốt thì sẽ góp phần xây dựng gia đình hạnh phúc (PVS, Lãnh đạo Đoàn thanh niên tỉnh Nam Định).

Đánh giá về ngôi nhà các hộ gia đình đang ở, có 82,5% đại diện hộ gia đình hài lòng và rất hài lòng, chỉ có 1% không hài lòng và 2,5% hài lòng ở mức thấp. Xét theo thang điểm 10 khi đánh giá mức độ hài lòng về ngôi nhà đang cư trú, nhóm gia đình trẻ và gia đình cao tuổi có mức độ hài lòng

khá gần nhau (20 đến 40 tuổi là 8,27 điểm và trên 60 tuổi là 8,28 điểm), trong khi đó, nhóm gia đình trung niên (từ 41 đến dưới 60 tuổi) điểm hài lòng về ngôi nhà chỉ đạt 8,03 điểm. Xét theo địa bàn cư trú của người trả lời cho thấy, những người sống ở nông thôn có điểm số trung bình hài lòng về ngôi nhà của họ đang cư trú cao hơn những gia đình sống ở đô thị (8,41 điểm; 7,96 điểm). Sự khác biệt này có thể do giá trị nhà đất ở nông thôn và đô thị chênh lệch lớn dẫn đến cơ hội sở hữu nhà đất của những gia đình ở đô thị thấp hơn những gia đình ở nông thôn. Vì thế, những gia đình sống ở nông thôn cũng dễ đạt được sự hài lòng hơn về ngôi nhà họ cư trú.

Tình trạng sở hữu nhà ở có ảnh hưởng đáng kể đến sự hài lòng của người trả lời. Mức độ hài lòng về nhà ở của những người có nhà ở thuộc sở hữu riêng của hai vợ chồng cao hơn những người đang ở nhà của bố mẹ hoặc nhà của người khác.

Bảng 1. Mức độ hài lòng về nhà ở của đại diện hộ gia đình chia theo đặc điểm gia đình

Đặc điểm gia đình		Điểm trung bình
Điểm trung bình		8,1
Loại hình nhà ở	Nhà riêng của cả hai vợ chồng	8,3
	Nhà thuộc sở hữu riêng của vợ hoặc chồng	8,3
	Nhà thuộc sở hữu của bố mẹ	7,6
	Nhà của người ngoài gia đình	4,0
Khu vực	Thành thị	7,9
	Nông thôn	8,4

Có việc làm và có thu nhập ổn định dường như là yếu tố quan trọng góp phần thỏa mãn nhu cầu về ăn, mặc, ở và mua sắm các tiện nghi sinh hoạt trong gia đình “*ăn ngon, mặc đẹp chưa đủ, để có hạnh phúc phải có việc làm ổn định, sinh đẻ có kế hoạch, phải tự làm ra đồng tiền thì hạnh phúc hơn*” (TLN gia đình trẻ, Tp. Nam Định, tỉnh Nam Định). Tuy nhiên, để có việc làm ổn định thì các thành viên gia đình cũng cần phải được đào tạo về chuyên môn, tay nghề. Đánh giá về cơ hội việc làm trước kia và hiện nay, đại diện hộ gia đình người cao tuổi cho rằng: “*Trước đây, làm nông nghiệp có ruộng là có ăn, ngày nay ruộng không còn thì phải có việc làm công nhân thì mới có ăn*” hay “*Trước đây đi chợ là có tiền, công việc ổn định ngày nay phải có học vào làm công nhân thì mới có thu nhập ổn định*” (TLN gia đình người cao tuổi, Tp. Nam Định, tỉnh Nam Định). Kinh tế ngày một phát triển, các khu công nghiệp ngày một nhiều đã góp phần tạo việc làm và thu nhập cho các thành viên hộ gia đình. Nhìn chung, người dân hài lòng với công việc của các thành viên mình ở mức khá cao. Mức điểm trung bình thể hiện sự hài lòng là 8,1. Nhóm có ít nhất 1 thành viên

gia đình là công chức, viên chức, lực lượng vũ trang có mức độ hài lòng cao hơn so với nhóm không có thành viên gia đình làm loại hình công việc này (8,6 điểm trung bình so với 8,0). Ở một khía cạnh khác, nhóm sống ở khu vực nông thôn có sự hài lòng về công việc của các thành viên cao hơn nhóm sống ở thành thị. Phải chăng vì cơ hội việc làm ở thành thị nhiều hơn dẫn đến kỳ vọng có được việc làm tốt, phù hợp nhiều hơn khiến cho người dân thành thị ít hài lòng hơn về công việc của thành viên gia đình.

Tìm hiểu lý do vì sao một số đại diện gia đình chưa hài lòng với công việc của các thành viên gia đình, thông tin thu được cho biết những bất cập trong chính sách đào tạo, định hướng nghề cho thanh thiếu niên dẫn đến tình trạng không tìm được việc làm theo chuyên ngành được đào tạo. Điều này đồng thời ảnh hưởng đến tiền của và cơ hội tận dụng nguồn nhân lực trẻ để phát triển kinh tế của đất nước. “*Các cháu nhà tôi học đại học xong không xin được việc làm theo ngành nghề được đào tạo. Nhà gần khu công nghiệp nên bây giờ về làm công nhân. Tuy thu nhập đảm bảo cuộc sống nhưng hơi tiếc công đi học 4 năm đại học*” (TLN gia đình trung niên, Thủy Nguyên, Hải Phòng). “*Chưa hài lòng lắm vì không được làm giáo viên đúng chuyên ngành và không được vào biên chế nhà nước*” (PVS, Đại diện gia đình trẻ, Hải Hậu, Nam Định).

Bảng 2. Mức độ hài lòng về nghề nghiệp và mức thu nhập của thành viên gia đình chia theo loại hình công việc và khu vực sinh sống

Đặc điểm gia đình		Điểm trung bình hài lòng về nghề nghiệp	Điểm trung bình hài lòng về mức thu nhập
Điểm trung bình		8,1	7,4
Loại hình công việc	Có ít nhất 1 thành viên là công chức, viên chức, LLVT	8,6	7,7
	Không có thành viên nào là công chức, viên chức, LLVT	8,0	7,4
Khu vực	Thành thị	8,0	7,2
	Nông thôn	8,3	7,7

Mặc dù, tỷ lệ trả lời hài lòng với công việc hiện tại của thành viên gia đình khá cao nhưng khi đánh giá mức độ hài lòng về thu nhập của gia đình, điểm trung bình thể hiện sự hài lòng chỉ đạt mức 7,4. Xem xét mức độ hài lòng theo loại hình công việc của thành viên gia đình cho thấy, nhóm có ít nhất 01 thành viên gia đình là công chức, viên chức, lực lượng vũ trang có mức độ hài lòng về thu nhập của thành viên gia đình cao hơn so với nhóm không có thành viên gia đình làm công việc này. Số liệu tính toán về mức

thu nhập bình quân đầu người theo thông tin đại diện hộ gia đình cung cấp cho thấy, thu nhập bình quân đầu người của nhóm có ít nhất 1 thành viên gia đình là công chức, viên chức, lực lượng vũ trang là 3.650.000 đồng/tháng, cao hơn khoảng 1 triệu đồng so với nhóm không có thành viên gia đình làm nghề nghiệp này. Đáng chú ý những người ở khu vực nông thôn có điểm hài lòng với mức thu nhập cao hơn so với người ở khu vực thành thị mặc dù mức thu nhập bình quân đầu người theo hộ gia đình ở nông thôn thấp hơn so với thành thị (2.870.000 đồng so với 3.860.000 đồng). Có lẽ sự hài lòng về mức thu nhập bị ảnh hưởng bởi khả năng đáp ứng các nhu cầu chi tiêu cho đời sống gia đình.

Nhìn chung, về yếu tố vật chất, các gia đình hiện nay có điểm số hài lòng khá cao. Sự hài lòng này có thể do những thay đổi khá nhanh về các điều kiện hạ tầng, kinh tế - xã hội nói chung và kinh tế gia đình nói riêng. Theo đó, các tiện nghi trong gia đình hoặc nguồn thu nhập ổn định hơn cũng là điểm cộng khi đánh giá về sự hài lòng. Bên cạnh đó, vẫn còn những tiếc nuối khi đầu tư thời gian công sức cho học tập nhưng không được sử dụng đến. Điều kiện về nhà ở và thu nhập cũng được đánh giá tích cực, song, vẫn còn những trường hợp chưa hài lòng về chỗ ở và mức thu nhập hiện tại.

2.2. Mức độ hài lòng về mối quan hệ gia đình

Mức độ hài lòng về mối quan hệ gia đình được đánh giá trên các chiều cạnh: mức độ hài lòng về đời sống vợ/chồng, mức độ hài lòng về mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình, mức độ hài lòng về mối quan hệ họ hàng bên nội, bên ngoại.

Tim hiểu mức độ hài lòng về đời sống vợ/chồng cho thấy, có 83% người trả lời hài lòng cao (từ 8 điểm trở lên) về đời sống vợ/chồng của họ. Điểm trung bình đạt được là 8,4 điểm. Trong đó, gia đình trẻ (gia đình vợ và chồng có độ tuổi dưới 40) có điểm số hài lòng cao nhất (8,63 điểm) còn gia đình người cao tuổi có điểm số hài lòng thấp nhất (8,08 điểm). Các gia đình ở nông thôn có điểm số hài lòng về đời sống vợ/chồng cao hơn ở đô thị (8,62 điểm; 8,17 điểm). Nam giới có điểm số hài lòng về đời sống vợ/chồng cao hơn nữ giới (8,73 điểm; 8,07 điểm). Tim hiểu về mối quan hệ vợ/chồng cho thấy, có 87% người trả lời cho biết những mối quan tâm của họ luôn được vợ/chồng chia sẻ. Một tỷ lệ gần tương ứng, người trả lời cũng cho biết, họ hài lòng về đời sống tình dục với người vợ/chồng của mình (85%). Tuy nhiên, vẫn còn những vấn đề mà có thể ảnh hưởng trực tiếp đến mối quan hệ vợ/chồng của người trả lời. Theo đó, 10% người trả lời cho rằng, vợ/chồng và người khác trong gia đình đánh giá thấp sự đóng góp của họ với gia đình; 7,5% cho rằng, vợ/chồng và những người thân khác trong gia đình có thái độ coi thường họ. Về mối quan hệ vợ/chồng, tại địa bàn nghiên cứu, có 10,5% cho rằng vợ/chồng của họ thường ít/khó có cơ hội nói chuyện, chia sẻ với nhau. Tim hiểu về những yếu tố ảnh hưởng

đến mối quan hệ vợ chồng, kết quả phân tích số liệu cho thấy có 18% người trả lời cho rằng “*những căng thẳng, bận rộn trong công việc thường làm cho họ cầu giận mỗi khi về nhà*”. Ngoài ra, sự can thiệp của bố mẹ vợ/chồng vào việc riêng của hai vợ chồng cũng làm cho mối quan hệ vợ/chồng thêm căng thẳng.

Tìm hiểu mức độ hài lòng của đại diện hộ gia đình về mối quan hệ hiện tại giữa các thành viên trong gia đình, kết quả cho thấy, có 94,5% người trả lời hài lòng và rất hài lòng về mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình. Đáng chú ý, mức sống gia đình không có ảnh hưởng tới sự hài lòng về mối quan hệ gia đình theo chiều tỷ lệ thuận. Số liệu cho thấy, những người tự đánh giá mức sống khá giả hay dưới mức trung bình có điểm số hài lòng về mối quan hệ gia đình cao hơn so với những người tự đánh giá mức sống ở mức trung bình. Thông tin định tính cho thấy sự hài lòng về quan hệ gia đình dựa trên sự gắn kết, mối quan hệ tình cảm giữa các thành viên gia đình nhiều hơn. Thông qua bữa cơm gia đình, sự gắn kết giữa các thành viên còn được thể hiện qua việc họ có hay không thường xuyên ăn cùng nhau:

Tình cảm gia đình là thiêng liêng, các thành viên gia đình ăn cơm cùng nhau làm cho mọi người gắn bó hơn, cho dù mỗi ngày chỉ ăn cùng nhau 1 bữa” hay “Bữa ăn gia đình cùng nhau rất tốt, qua bữa ăn giao lưu, chia sẻ, con đi học xa mỗi khi về được ăn cơm cùng nhau thấy rất có ý nghĩa (TLN người cao tuổi TP. Nam Định, tỉnh Nam Định).

Số liệu thu được cũng cho thấy những gia đình có mâu thuẫn bất đồng như (tranh chấp/chửi bới/cãi cọ về nhà cửa, đất đai, ruộng vườn, tài sản có giá trị) hoặc cao hơn có hành vi bạo lực (như trói/giam giữ/nhốt/đánh bằng vật cứng) có điểm số hài lòng về mối quan hệ gia đình thấp hơn so với các gia đình không có các hành vi này. Điểm hài lòng tương ứng là 8,4 so với 9,3.

Về mối quan hệ với họ hàng, kết quả phân tích số liệu cho thấy, có 94,5% người trả lời hài lòng và rất hài lòng với mối quan hệ gia đình bên bố mẹ đẻ, chỉ có 5,5% đánh giá hài lòng ở mức trung bình và thấp. Còn đối với mức hài lòng về mối quan hệ gia đình bên bố mẹ vợ/chồng của người trả lời, có 92% cho biết họ hài lòng ở mức cao đến rất hài lòng với mối quan hệ gia đình bên nhà vợ/chồng của mình, số còn lại hài lòng ở mức trung bình, thấp và không hài lòng (1,5%). Xét theo điểm số trung bình về mức hài lòng trong mối quan hệ gia đình bố mẹ đẻ của người trả lời với gia đình bố mẹ vợ/chồng của người trả lời cho thấy, điểm trung bình chung của cả hai nhóm này ở mức cao (9,0 điểm và 8,9 điểm). Tuy nhiên, có điểm khác biệt nhỏ về thang điểm số khi xét theo nhóm tuổi, giới tính hoặc địa bàn cư trú của người trả lời. Theo đó, người trả lời ở nhóm tuổi càng cao mức độ hài lòng càng lớn (20 đến 40 tuổi, 8,8 điểm; từ 41 đến dưới 60 tuổi, 8,96 điểm và trên 60 tuổi 9,13 điểm); song, với điểm số trung bình về mức độ hài lòng với mối quan hệ gia đình bên vợ/chồng thì điểm số đạt cao nhất ở nhóm gia đình trung niên (từ 41 tuổi đến 60 tuổi) đạt 8,92 điểm. Phân

tích số liệu theo giới tính của người trả lời về mức độ hài lòng với mối quan hệ gia đình bên bố mẹ đẻ của họ cho thấy, nữ giới có điểm số hài lòng với mối quan hệ họ hàng bên nhà bố mẹ đẻ ra họ cao hơn nam giới (9,15 điểm; 8,85 điểm). Ở chiều ngược lại, điểm số trung bình mức độ hài lòng của nam về mối quan hệ của họ với gia đình nhà vợ khác biệt không đáng kể so với điểm số trung bình của nữ giới hài lòng về mối quan hệ của họ với gia đình nhà chồng (8,91 điểm; 8,89 điểm). Phân tích số liệu điều tra còn cho thấy, có sự khác biệt nhỏ về điểm trung bình của người trả lời khi đánh giá về mức độ hài lòng về mối quan hệ họ hàng của họ, theo đó, những gia đình sống ở nông thôn có điểm số hài lòng với họ hàng trong gia đình phía nhà bố mẹ đẻ cao hơn gia đình sống ở đô thị (9,05 điểm; 8,95 điểm); sự khác biệt này gia tăng hơn khi người trả lời đánh giá về mối quan hệ của họ với gia đình bên vợ/chồng, cụ thể, gia đình sống ở nông thôn có điểm số hài lòng trung bình là 9,03 điểm và đô thị là 8,77 điểm.

Như vậy, mối quan hệ của các thành viên gia đình hiện nay được đánh giá khá tốt. Điểm số trung bình về sự hài lòng trong các mối quan hệ gia đình (quan hệ vợ chồng; quan hệ với các thành viên trong gia đình và quan hệ với họ hàng 2 bên gia đình) được người trả lời đánh giá ở mức tốt (trên 8 điểm). Tuy nhiên, vẫn còn những trường hợp nhất định chưa hài lòng với mối quan hệ của người trả lời với họ hàng bên nhà chồng và một sự lo lắng nhất định về sự gắn kết gia đình thông qua bữa cơm gia đình.

2.3. Mức độ hài lòng về nền nếp và sức khỏe của thành viên gia đình

Đánh giá về nền nếp gia đình, kết quả phân tích số liệu cho thấy, có 92,5% người trả lời hài lòng ở mức cao và rất hài lòng về nền nếp gia phong gia đình. Họ cũng hài lòng cao về mục tiêu, lý tưởng sống của các thành viên gia đình (91%) và đạo đức, lối sống của con cháu trong gia đình (94,5%). Mặc dù có tỷ lệ hài lòng tương đối cao nhưng một số ý kiến cho rằng “*Giới trẻ ngày nay nó không thích ăn xong phải lấy tăm cho ông bà. Thời đại tiến bộ, chúng ta phải chấp nhận bỏ một số thủ tục tránh sự gò bó, khuôn mẫu, ép lớp trẻ khó lắm*” hay “*Văn hóa truyền thống khi ra đường được khen đưa con ngoan, còn văn hóa hiện đại được khen là đưa con giỏi. Những gì khắt khe thì bỏ, nhưng nền nếp gia đình thì vẫn cần thiết để tạo bản sắc của gia đình. Trẻ không biết ai trong gia đình, làng xóm là không được*” (TLN người cao tuổi, Nam Định). Đánh giá theo thang điểm 10, nhóm tuổi càng cao thì số điểm hài lòng về nền nếp gia phong trong gia đình càng cao (20-40 tuổi 8,66 điểm; 41-60 tuổi 8,88 điểm; trên 60 là 9,12 điểm); nữ giới có điểm hài lòng (8,99 điểm) về nền nếp gia phong trong gia đình cao hơn nam giới (8,88 điểm). Xét nhóm gia đình đánh giá mức độ hài lòng về đạo đức, lối sống của con, cháu trong gia đình thông qua thang điểm 10 cho thấy, nhóm gia đình người cao tuổi có điểm số trung bình cao nhất (9,29 điểm), nhóm gia đình trẻ có điểm số đánh giá thấp nhất (8,56 điểm). Về địa bàn cư trú, những gia đình sống ở nông thôn

có điểm số trung bình hài lòng về đạo đức, lối sống của con cháu trong gia đình cao hơn những người sống ở đô thị (9,26 điểm; 8,86 điểm). Theo học vấn của người trả lời, những người có trình độ ở mức trung cấp/cao đẳng có điểm số trung bình hài lòng về đạo đức lối sống của con, cháu cao nhất (9,25 điểm), còn ở nhóm có trình độ học vấn đại học và trên đại học điểm số trung bình hài lòng về đạo đức, lối sống của con cháu thấp nhất (8,7 điểm). Mức độ hài lòng về đạo đức lối sống của con cháu cũng có những khác biệt tương đối theo số thành viên gia đình. Cụ thể, ở những gia đình có từ 3 đến 4 thành viên, có điểm số hài lòng thấp nhất (8,9 điểm) và nhóm từ 5 đến 6 người có điểm số hài lòng cao nhất (9,31 điểm).

Bên cạnh yếu tố nền nếp gia đình, sức khỏe của các thành viên gia đình cũng được xem xét là một trong số những chỉ báo quan trọng khi đánh giá về hạnh phúc gia đình. Phân tích số liệu điều tra cho thấy, có 75% người trả lời hài lòng cao về tình trạng sức khỏe của bản thân và 76% hài lòng về sức khỏe hiện tại của người chồng/vợ của họ. Về sức khỏe của các thành viên gia đình, mức hài lòng là 88,5%, còn mức hài lòng về sức khỏe của con, cháu của họ là 92,5%. Những người trẻ có điểm số trung bình hài lòng về sức khỏe của bản thân cao hơn những người cao tuổi. Theo đó, nhóm từ 20 đến 40 tuổi có điểm hài lòng là 7,98 điểm, nhóm 41 đến 60 là 7,72 điểm và trên 60 là 7,44 điểm. Bên cạnh đó, những người trẻ tuổi hơn cũng có điểm số trung bình hài lòng về sức khỏe của người vợ/chồng của họ cao hơn (20 - 40 tuổi là 8,1 điểm; 41- 60 tuổi là 7,58 điểm và trên 60 tuổi là 7,16 điểm). Những người sống ở đô thị có điểm số trung bình hài lòng về sức khỏe của bản thân họ cao hơn ở nông thôn (7,66 điểm; 7,64 điểm) nhưng những người sống ở nông thôn lại có điểm số hài lòng sức khỏe của vợ/chồng họ cao hơn ở đô thị (7,61 điểm; 7,41 điểm). Nữ giới có điểm số trung bình hài lòng về tình trạng sức khỏe của bản thân cao hơn nam giới (7,74 điểm; 7,56 điểm), ở chiều ngược lại, nam giới có điểm số hài lòng về sức khỏe của người vợ cao hơn nữ giới hài lòng về sức khỏe của người chồng (7,77 điểm; 7,26 điểm). Xét mối liên hệ giữa sức khỏe với nghề nghiệp của người trả lời, kết quả cho thấy, nhóm lao động tự do có điểm số hài lòng về sức khỏe hiện nay của bản thân họ đạt 8,43 điểm tiếp đến là công nhân đạt 8,38 điểm; nhóm có điểm số trung bình thấp nhất là nhóm hưu trí, nội trợ (7,38 điểm) và nông nghiệp (7,47 điểm). *“Sức khỏe là quan trọng nhất, có sức khỏe thì ta mới có thể làm được những việc mình muốn. Chúng ta cũng không thể có tinh thần minh mẫn khi tình trạng cơ thể luôn thấy mệt mỏi, ốm đau, bệnh tật”* (PVS gia đình trung niên, Lê Chân, Hải Phòng) hay *“Mỗi lần đi viện tốn rất nhiều tiền, vì thế, có sức khỏe tốt sẽ tiết kiệm được một khoản kinh phí để khám chữa bệnh. Trẻ con cứ thay đổi thời tiết là ốm, mỗi khi chúng ốm là một trong hai vợ chồng phải nghỉ làm để chăm chúng. Làm công nhân, nghỉ thì bị trừ lương mà nghỉ nhiều thì mất việc. Vì thế, em nghĩ có sức khỏe là có tất cả. Vợ chồng, con cái khỏe*

manh là gia đình hạnh phúc” (PVS, Đại diện gia đình trẻ, Thủy Nguyễn, Hải Phòng).

3. Kết luận

Các phân tích trên cho thấy, nhìn chung, các thành viên gia đình có đánh giá tích cực về cuộc sống gia đình trên các khía cạnh đời sống vật chất, mối quan hệ gia đình và sức khỏe của thành viên gia đình. Tuy nhiên, mỗi nhóm xã hội mang đặc điểm khác nhau về mức sống, nghề nghiệp, độ tuổi, địa bàn cư trú có những trải nghiệm khác nhau về cuộc sống gia đình, dẫn đến mức độ hài lòng có sự khác biệt.

Những thay đổi về điều kiện kinh tế - xã hội thời gian qua đã có những ảnh hưởng đến điều kiện sống của các gia đình. Thu nhập bình quân đầu người không ngừng tăng kéo theo là những chỉ tiêu cho cuộc sống gia đình cũng tăng. Các gia đình ngày nay đang dần chuyển từ xu hướng ăn no, mặc ấm, sang ăn ngon, mặc đẹp. Bữa ăn gia đình không chỉ được nâng cao về chất lượng dinh dưỡng mà còn được các gia đình chú ý giữ gìn như một trong những cơ sở quan trọng để tạo sự gắn kết các thành viên gia đình. Nhìn chung, những gia đình nông thôn có số điểm hài lòng về nhà ở, nghề nghiệp và thu nhập cao hơn so với những gia đình sống ở đô thị. Gia đình có ít nhất 01 thành viên gia đình là công chức, viên chức, lực lượng vũ trang có mức độ hài lòng về nghề nghiệp, thu nhập cao hơn so với các gia đình không có thành viên gia đình có loại hình nghề nghiệp này.

Vẫn còn có những điểm đại diện hộ gia đình chưa hài lòng như cơ hội và khả năng có được việc làm phù hợp với trình độ chuyên môn đã được đào tạo của các thành viên gia đình. Với họ nghề nghiệp không chỉ thể hiện vị thế xã hội mà còn mang lại cơ hội về thu nhập và cải thiện điều kiện sống cho các thành viên gia đình. Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện nay, việc đào tạo lao động chưa đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động dẫn đến lo ngại của gia đình về việc đầu tư cho giáo dục cũng như khả năng đảm bảo cuộc sống gia đình. Điều gợi ra rằng các chính sách đảm bảo việc làm đáp ứng về nhu cầu và trình độ chuyên môn của các thành viên gia đình là cần thiết.

Đa số đại diện hộ gia đình hài lòng về mối quan hệ gia đình. Mức sống hay điều kiện kinh tế gia đình không phải là yếu tố ảnh hưởng đáng kể đến sự hài lòng về quan hệ gia đình. Sự quan tâm, chia sẻ giữa các thành viên gia đình mới là yếu tố thúc đẩy sự hài lòng. Những gia đình có mâu thuẫn, bất đồng hay có hành vi bạo lực có điểm số đánh giá về mức độ hài lòng thấp hơn so với những gia đình không có hành vi này. Như vậy, các hoạt động giáo dục gia đình nhằm thúc đẩy sự mối quan hệ bình đẳng, sẽ chia là quan trọng trong bối cảnh biến đổi xã hội hiện nay.

Sức khỏe của các thành viên gia đình được quan tâm như một trong những điều kiện quan trọng để xây dựng hạnh phúc gia đình. Điểm đáng

chú ý, các gia đình đánh giá điểm số hài lòng về tình trạng sức khỏe của bản thân và gia đình thấp nhất. Dường như, các yếu tố sức khỏe, bệnh tật đang là một trong những tác nhân trực tiếp ảnh hưởng đến các yếu tố khác của đời sống gia đình như: ăn, mặc, ở, lao động, thu nhập. Vì vậy, triển khai các giải pháp nhằm tăng cường sức khỏe cho các thành viên gia đình có thể thúc đẩy chỉ số hài lòng của các gia đình từ đó cải thiện về hạnh phúc gia đình. ■

Tài liệu trích dẫn

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. 2018. Báo cáo tổng kết 10 năm thi hành Luật Phòng, chống bạo lực gia đình. Hà Nội.
- Lê Ngọc Văn. 2019. Hạnh phúc của người Việt Nam. Nxb. Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh. TP. Hồ Chí Minh.
- Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. 2014. Luật Hôn nhân và gia đình.
- Tổng cục Thống kê. 2018. Tổng quan kinh tế - xã hội Việt Nam năm 2018. 30.10.2019. from <https://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=382&idmid=2&ItemID=19041>.
- Tổng cục Thống kê. 2011. Tình hình kinh tế xã hội Việt Nam mười năm 2001-2010. Nxb. Thống kê, Hà Nội.
- Trần Thị Hồng. 2018. "Giá trị của sự giàu có về tiền bạc đối với gia đình Việt Nam". *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới*, số 2, tr. 41-50.